TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 711/2022/DS - PT
Ngày: 29-11-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Đức

2. Bà Lê Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5504/2022/QĐ - PT ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L.

Địa chỉ trụ sở: 358/38 Tổ 38, Đường Q, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh H (có mặt).

Địa chỉ: 29/9 đường 42, Khu phố 8, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Thanh S, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ : 137/3 Đường O, phường U, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn – ông Đỗ Thanh S kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L có bà Nguyễn Minh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết, Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L (Sau đây gọi tắt là Công ty L) có cho ông Đỗ Thanh S vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích để ông S sử dụng vào công việc cá nhân. Việc cho vay được thể hiện bằng Phiếu chi ngày 19/7/2013, đồng thời ông S có ký tên xác nhận ở mục "Người nhận tiền" và ghi "đã nhận đủ". Công ty L và ông S không có thỏa thuận bằng văn bản về thời hạn thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán.

Công ty L đã nhiều lần yêu cầu ông S thanh toán số tiền 500.000.000 đồng nhưng ông S không hợp tác và tìm cách tránh né. Ngày 03/4/2020, công ty L gửi Đơn yêu cầu trả tiền số 01/4/2020/CV.LĐ yêu cầu ông S thanh toán số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 16/4/2020. Nếu quá thời hạn nêu trên, ông S không thanh toán thì Công ty L sẽ yêu cầu thanh toán tiền gốc và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Do đó, Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận I tuyên buộc ông Đỗ Thanh S có nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 27/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, Công ty L yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền chậm thanh toán cho đến khi ông S thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Thanh S trình bày:

Chữ ký trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 là của ông nhưng ông không có nhận số tiền 500.000.000 đồng của Công ty L. Đề nghị Tòa án xem xét vì phiếu chi ngày 19/7/2013 không hợp lệ, không có địa chỉ người nhận tiền, không có nội dung chi tiền, dưới chữ ký người nhận tiền không có họ tên người nhận tiền. Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty L vì Phiếu chi không thể hiện chi khoản tiền 500.000.000 đồng vì mục đích gì, không có gì thể hiện chi tiền là cho ông vay tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đỗ Thanh S có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L số tiền còn nợ là 602.359.589 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu ba trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 102.359.589 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L đã nộp là 1.675.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029303 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Thanh S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, ông Đỗ Thanh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết "Đã nhận đủ" trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 là chữ ký và chữ viết của bị đơn. Phiếu chi này là do ông Lâm (Công ty L) nhờ bị đơn ký khống vào, khi bị đơn ký là phiếu trắng không có nội dung gì. Thực chất bị đơn không có nhận số tiền 500.000.000 đồng theo Phiếu chi này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, ông S đã ký tên trên Phiếu chi ngày 19/7/2013, đồng thời cũng ghi "đã nhận đủ" , nội dung phiếu chi ghi rõ số tiền chi là 500.000.000 đồng nên ông S trình bày chỉ ký tên và không nhận tiền là không có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 26/4/2020 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm: Tại Phiếu chi ngày 19/7/2013, hai bên không thỏa thuận thời gian vay và lãi suất cho vay. Ngày 03/4/2020 Công ty L có thông báo gởi ông S yêu cầu thanh toán số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 16/4/2020. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 26/4/2020 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2019 của HĐTP TANDTC, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn 9%/năm là phù hợp Quyết định 2868 ngày 29/11/2010. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Thanh S: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận I.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên xác định là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và trình bày của đương sự, thể hiện:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 500.000.000 đồng theo Phiếu chi ngày 19/7/2013. Tại Phiếu chi ngày 19/7/2013 có đóng dấu treo của Công ty TNHH Khoan giếng, xử lý nước xây lắp, dịch vụ thương mại L (sau đây được gọi tắt là Công ty L) có nội dung: Họ tên người nhận tiền Đỗ Thanh S. Số tiền 500.000.000 (viết bằng chữ) Năm trăm triệu đồng VN.

[2.2] Theo đơn yêu cầu của nguyên đơn trưng cầu giám định chữ ký dưới mục : "Người nhận tiền" và chữ viết "Đã nhận đủ tiền" trên Phiếu chi ngày 19/7/2013, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 4107/2020/QĐ-TCGĐ ngày 02/10/2020.

Ngày 16/10/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 5278/C09B, kết luận: "Chữ ký dưới mục "Người nhận tiền", chữ viết "Đã nhận đủ" trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra".

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết "Đã nhận đủ" trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 là chữ ký và chữ viết của bị đơn nhưng bị đơn không thừa nhận có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ nguyên đơn. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, bởi lẽ căn cứ Kết luận giám định số 5278/C09B ngày 16/10/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký dưới mục "Người nhận tiền" và chữ viết "Đã nhận đủ" trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 là của ông Đỗ Thanh S. Và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận đã ký và đã viết "Đã nhận đủ" trên Phiếu chi này. Nội dung trên Phiếu chi ngày 19/7/2013 ghi rõ số tiền 500.000.000 (viết bằng chữ) Năm trăm triệu đồng VN.

Do đó, bị đơn cho rằng Phiếu chi ngày 19/7/2013 được ký khống và bị đơn không có nhận số tiền 500.000.000 đồng theo Phiếu chi này là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 500.000.000 đồng cho nguyên đơn theo Phiếu chi ngày 19/7/2013 là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

[4.1] Phiếu chi ngày 19/7/2013 các bên không có thỏa thuận thời hạn cho vay và không có lãi. Theo thông báo yêu cầu trả tiền ngày 03/4/2020 của nguyên đơn thể hiện nếu bị đơn không trả số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 16/4/2020 bị đơn phải chịu lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

[4.2] Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương ứng thời gian chậm thanh toán từ ngày 27/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi 102.359.589 đồng là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, các nội dung kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn: giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Thanh S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đỗ Thanh S có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L số tiền còn nợ là 602.359.589 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu ba trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 102.359.589 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho Công ty TNHH khoan giếng, xử lý nước, xây lắp, dịch vụ thương mại L đã nộp là 1.675.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029303 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Thanh S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Thanh S được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thự hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS Quận I;
- TAND Quận I;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Thương

